Doanh nghiệp: **HOA SEN GROUP**
Mã chứng khoán: **HSG**
Địa chỉ: **9 Đại Lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần II - BD**
Mã số thuế: **3 7 0 0 3 8 1 3 2 4**
Tel: **083.9990111**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2018

Từ 01 - 07 - 2018 đến 30 - 09 - 2018

(Báo cáo riêng)

- Bảng cân đối kế toán : Mẫu số B01 - DN
- Kết quả hoạt động kinh doanh : Mẫu số B02 - DN
- Lưu chuyển tiền tệ : Mẫu số B03 - DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính : Mẫu số B09 - DN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC RIÊNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 07 - 2018 đến 30 - 09 - 2018

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đvt: VNĐ

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-09-2018)	Số đầu kỳ (01-10-2017)
A	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**11.182.283.079.424**	**12.088.920.991.248**
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**171.659.998.887**	**239.918.988.521**
1	Tiền	111		171.516.477.012	239.775.466.646
2	Các khoản tương đương tiền	112		143.521.875	143.521.875
II	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**V.2**	**270.387.032**	-
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	
2	DP giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		270.387.032	-
III	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**8.058.589.828.139**	**5.037.770.809.143**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	7.163.173.554.683	3.975.438.722.818
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.2	184.158.011.340	204.686.775.767
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	3.660.295.900	25.400.000.000
6	Các khoản phải thu khác	136	V.4	713.531.157.781	837.048.913.123
7	DP các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(5.933.191.565)	(4.803.602.565)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV	**Hàng tồn kho**	**140**	**V.6**	**1.786.846.827.479**	**5.428.029.021.406**
1	Hàng tồn kho	141		1.806.483.176.834	5.450.815.683.238
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(19.636.349.355)	(22.786.661.832)
V	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**1.164.916.037.887**	**1.383.202.172.178**
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	75.749.637.153	74.422.775.292
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14.2	1.063.819.898.124	1.308.779.396.886
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.2	25.346.502.610	-
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**5.062.116.225.959**	**5.043.205.602.817**
I	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**66.891.721.457**	**74.974.967.200**
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	66.686.721.457	74.974.967.200
6	Phải thu dài hạn khác	216		205.000.000	-
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	
II	**Tài sản cố định**	**220**		**1.961.681.186.678**	**2.746.644.774.699**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	**1.591.695.704.971**	**2.463.196.998.804**
	- Nguyên giá	222		3.260.932.231.963	4.566.370.722.477
	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(1.669.236.526.992)	(2.103.173.723.673)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	**81.263.218.413**	**24.855.221.380**
	- Nguyên giá	225		98.947.748.174	39.019.437.785
	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		(17.684.529.761)	(14.164.216.405)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	**288.722.263.294**	**258.592.554.515**
	- Nguyên giá	228		320.066.755.310	281.826.289.976
	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(31.344.492.016)	(23.233.735.461)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC RIÊNG

Mẫu số B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2017 - 2018
Từ 01 - 07 - 2018 đến 30 - 09 - 2018

Đvt: VNĐ

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-09-2018)	Số đầu kỳ (01-10-2017)
III	**Bất động sản đầu tư**	**230**		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232		-	-
IV	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**	**V.7**	**28.307.339.690**	**247.666.367.726**
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		28.307.339.690	247.666.367.726
V	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**V.2**	**2.782.891.000.000**	**1.724.245.102.467**
1	Đầu tư vào công ty con	251		2.677.776.000.000	1.633.276.000.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		43.515.000.000	80.302.178.134
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		-	(35.933.075.667)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		61.600.000.000	46.600.000.000
VI	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**222.344.978.134**	**249.674.390.725**
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	207.352.425.398	216.697.658.464
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	14.992.552.736	32.976.732.261
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**16.244.399.305.383**	**17.132.126.594.065**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC RIÊNG

Mẫu số B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2017 - 2018
Từ 01 - 07 - 2018 đến 30 - 09 - 2018

Đvt: VNĐ

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-09-2018)	Số đầu kỳ (01-10-2017)
C	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**10.803.636.110.209**	**11.827.186.588.111**
I	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**10.729.441.419.731**	**11.587.281.148.281**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.1	1.248.415.727.471	3.415.169.986.762
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.2	199.065.234.433	357.924.180.945
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	49.437.391.726	146.954.619.391
4	Phải trả người lao động	314		63.430.563.768	80.555.222.032
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	38.207.126.917	62.825.939.966
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	54.675.908.270	60.239.346.258
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	9.010.977.033.379	7.402.317.620.460
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		65.232.433.767	61.294.232.467
II	**Nợ dài hạn**	**330**		**74.194.690.478**	**239.905.439.830**
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	71.352.839.728	237.114.284.830
2	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	2.841.850.750	2.791.155.000
D	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**5.440.763.195.174**	**5.304.940.005.954**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	V.19	**5.440.763.195.174**	**5.304.940.005.954**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	3.849.903.280.000	3.499.966.830.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.849.903.280.000	3.499.966.830.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	151.583.183.521	151.583.183.521
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.19	(1.343.000.000)	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	-	-
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19	60.509.750.556	34.535.741.195
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	1.380.109.981.097	1.618.854.251.238
	- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		818.143.985.703	265.082.554.604
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		561.965.995.394	1.353.771.696.634
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (400 = 300+400)	**440**		**16.244.399.305.383**	**17.132.126.594.065**

Ngày 30 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nguyễn Thị Ngọc Lan	TRẦN QUỐC TRÍ

Các thuyết minh là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC RIÊNG

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 07 - 2018 đến 30 - 09 - 2018

Đvt: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này 01/07/2018 - 30/09/2018	Lũy kế từ 01/10/2017 - 30/09/2018	Kỳ trước 01/07/2017 - 30/09/2017	Lũy kế từ 01/10/2016 - 30/09/2017
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**V.21**	**13.085.149.349.847**	**59.977.961.162.366**	**13.053.423.485.664**	**47.077.679.965.050**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.22	(10.173.703.809)	113.836.019.973	50.572.067.755	179.072.251.662
3.	**DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**	**V.23**	**13.095.323.053.656**	**59.864.125.142.393**	**13.002.851.417.909**	**46.898.607.713.388**
4.	Giá vốn hàng bán	11	V.24	12.520.767.493.085	57.039.559.629.459	12.259.274.823.810	43.680.064.063.459
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**574.555.560.571**	**2.824.565.512.934**	**743.576.594.099**	**3.218.543.649.929**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.25	488.983.438.703	535.315.558.240	551.658.812.754	601.781.666.924
7.	Chi phí tài chính	22	V.26	240.773.582.191	601.371.504.445	108.007.170.524	420.377.177.127
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*133.576.001.257*	*458.729.805.247*	*89.366.324.801*	*317.503.841.647*
8.	Chi phí bán hàng	25	V.29	372.105.162.613	1.480.742.589.702	366.989.700.140	1.235.820.173.529
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.29	159.832.844.903	691.621.315.664	189.331.691.292	639.173.453.876
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25-26)**	**30**		**290.827.409.567**	**586.145.661.363**	**630.906.844.897**	**1.524.954.512.321**
11.	Thu nhập khác	31	V.27	23.489.601.478	52.932.603.565	4.552.962.292	73.096.842.741
12.	Chi phí khác	32	V.28	20.820.337	1.114.182.751	1.937.329.846	3.244.149.612
13.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**23.468.781.141**	**51.818.420.814**	**2.615.632.446**	**69.852.693.129**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**314.296.190.708**	**637.964.082.177**	**633.522.477.343**	**1.594.807.205.450**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.30	(14.491.737.209)	58.013.907.258	41.943.394.294	209.600.199.457
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.31	6.420.815.292	17.984.179.525	(5.453.969.870)	31.435.309.359
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**322.367.112.625**	**561.965.995.394**	**597.033.052.919**	**1.353.771.696.634**

Ngày 30 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nguyễn Thị Ngọc Lan	TRẦN QUỐC TRÍ

M.S.D.N: 3700382... CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN TX. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 07 - 2018 đến 30 - 09 - 2018

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đvt: VNĐ

	Chỉ tiêu	MS	TM	Lũy kế từ 01/10/2017 - 30/09/2018	Lũy kế từ 01/10/2016 - 30/09/2017
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**				
1	***Lợi nhuận trước thuế***	*01*		***637.964.082.177***	***1.594.807.205.450***
2	***Điều chỉnh cho các khoản***				
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		322.209.565.058	408.968.204.482
	- Các khoản dự phòng	03		(37.953.799.144)	18.796.915.536
	- Lãi, lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		47.305.340.201	7.111.244.819
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(497.121.208.942)	(572.462.153.161)
	- Chi phí lãi vay	06		458.729.805.247	317.503.841.647
3	***Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động***	*08*		***931.133.784.597***	***1.774.725.258.773***
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.646.019.181.693)	(2.700.787.407.363)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.644.332.506.404	(2.268.358.611.679)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.407.452.463.972)	1.919.983.405.482
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.018.371.205	(88.508.540.606)
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(457.469.733.777)	(309.453.183.836)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(123.097.749.073)	(255.210.120.483)
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(70.904.221.874)	(82.041.727.870)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		***(121.458.688.183)***	***(2.009.650.927.582)***
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**				
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(260.039.103.957)	(605.945.288.394)
2	Tiền thu từ TL nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		164.924.311.510	56.619.348.886
3	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.080.172.266.449)	(635.150.000.000)
4	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		69.972.744.583	-
5	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		114.034.822.837	2.943.903.852
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		***(991.279.491.476)***	***(1.181.532.035.656)***
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	34.601.710.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN	32		(1.343.000.000)	-
3	Tiền thu từ đi vay	33		27.036.232.249.782	21.829.974.818.155
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.622.600.226.615)	(18.658.018.091.475)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(14.177.118.427)	(20.996.563.609)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(350.060.974.500)	(196.362.984.225)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		***1.048.050.930.240***	***2.989.198.888.846***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(64.687.249.419)**	**(201.984.074.392)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**239.918.988.521**	**447.518.356.022**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.571.740.215)	(5.615.293.109)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**		**171.659.998.887**	**239.918.988.521**

Ngày 30 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nguyễn Thị Ngọc Lan	TRẦN QUỐC TRÍ

M.S.D.N: 3700381321 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN T.X. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC RIÊNG

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2017 - 2018
Từ 01 - 07 - 2018 đến 30 - 09 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 Đăng ký lần đầu ngày 08/08/2001 và điều chỉnh gần đây nhất ngày 09 tháng 07 năm 2018.

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại số 9, đại lộ Thống Nhất, khu công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ	**3.849.903.280.000 VNĐ**
Số lượng cổ phiếu	**384.990.328 cổ phiếu**

2- Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và thương mại

3- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 35 ngày

4- Ngành nghề kinh doanh

Mục tiêu và phạm vi hoạt động kinh doanh Công ty là :

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

5- Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách công ty con: Đến thời điểm hiện tại Công ty có 15 Công ty con

- **CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN**
  Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ CƠ KHÍ HOA SEN**
  Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN**
  Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, H.Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN BÌNH ĐỊNH**
  Địa chỉ: Lô A1.1 và TT6.2 & 7 Khu Công Nghiệp Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, Tx. An Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NGHỆ AN**
  Địa chỉ: Lô CN 1-8 Khu công nghiệp Đông Hồi, X. Quỳnh Lập, TX. Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An
- **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN HÀ NAM**
  Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Kiện Khê I, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NHƠN HỘI - BÌNH ĐỊNH**
  Địa chỉ: Thôn Hội Sơn, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

- **CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN YÊN BÁI**
  Địa chỉ: Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành Phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN PHÚ MỸ**
  Địa chỉ: Đường số 1B, KCN Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**
  Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ KLH LUYỆN CÁN THÉP HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**
  Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**
  Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KCN HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**
  Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV CẢNG TỔNG HỢP QUỐC TẾ HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**
  Địa chỉ: Thôn Thương Diêm 2, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN YÊN BÁI**
  Địa chỉ: Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành Phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Công ty có 2 công ty liên kết

- **CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN QUY NHƠN**
  Địa chỉ: Số 01 Ngô Mây, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HOA SEN DU LONG**
  Địa chỉ: Số 65 Trần Quang Diệu, Phường Thanh Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Danh sách chi nhánh: Hiện tại Công ty có 470 chi nhánh phụ thuộc

1. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đắk Lắk
2. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kon Tum
3. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trảng Bàng - Tây Ninh
4. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cam Ranh
5. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chơn Thành
6. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diên Khánh
7. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bồng Sơn Bình Định
8. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tân Thạnh - Long An
9. Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy Phước Bình Định
10. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Cần Thơ
11. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Khê Tỉnh Gia Lai
12. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Nội
13. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gia Nghĩa - Đắk Nông
14. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Tân - An Giang
15. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Pleiku Tỉnh Gia Lai
16. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
17. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Hồ - Tỉnh Đắk Lắk
18. Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nghệ An
19. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy An - Tỉnh Phú Yên
20. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trà Vinh

21. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phụng Hiệp
22. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Long
23. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy Hòa
24. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phan Rí
25. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
26. Chi Nhánh Long Xuyên - Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
27. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Bè
28. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bà Rịa - Vũng Tàu
29. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cà Mau
30. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vũng Liêm
31. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vị Thanh
32. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sóc Trăng
33. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
34. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi
35. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Linh - Bình Thuận
36. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Thủ Thừa - Long An
37. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Đốc
38. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Minh
39. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hàm Tân - Bình Thuận
40. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Năm Căn
41. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bạc Liêu
42. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (tỉnh Bình Dương)
43. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu
44. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thống Nhất - Tỉnh Đồng Nai
45. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Tĩnh
46. Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phù Cát Bình Định
47. Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phù Mỹ Bình Định
48. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chợ Mới - An Giang
49. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (tỉnh Bình Dương)
50. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
51. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (Bình Dương) - Tại Sơn La
52. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thừa Thiên Huế
53. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bến Cát - Bình Dương
54. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gò Dầu - Tây Ninh
55. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Định Quán - Đồng Nai
56. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thốt Nốt
57. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tri Tôn - An Giang
58. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Pắk - Đắk Lắk
59. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phan Thiết - Bình Thuận
60. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea Kar - Đắk Lắk
61. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đắk Mil - Đắk Nông
62. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Hóa

63. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Xuyên Mộc - Bà Rịa - Vũng Tàu
64. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Thạnh - Tp Cần Thơ
65. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ninh Bình
66. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Răng - Tp Cần Thơ
67. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Châu Thành - Tiền Giang
68. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòa Bình
69. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Xã Phước Long - Tỉnh Bình Phước
70. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Giáo - Bình Dương
71. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Ninh
72. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Hòa - Phú Yên
73. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Bái
74. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hàm Thuận Nam - Bình Thuận
75. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Thọ
76. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thái Bình
77. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Nam
78. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Trị
79. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ngọc Hồi
80. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Trung
81. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hưng Yên
82. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nam Định
83. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Bình
84. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư Jút - Đắk Nông
85. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hải Phòng
86. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chư Sê - Gia Lai
87. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Phúc
88. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thái Nguyên
89. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bắc Kạn
90. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diễn Châu - Nghệ An
91. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Giang
92. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Hòa - An Giang
93. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Hòa - Long An
94. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trảng Bom - Đồng Nai
95. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tây Ninh
96. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bắc Giang
97. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dĩ An - Bình Dương
98. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Châu - Tây Ninh
99. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Biên - Hà Nội
100. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chương Mỹ - Hà Nội
101. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bà Rịa
102. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Long - Bình Phước
103. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phúc Thọ - Hà Nội
104. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thường Tín - Hà Nội

105. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Châu - Sóc Trăng
106. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mộc Châu - Sơn La
107. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea H'Leo - Đắk Lắk
108. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòn Đất - Kiên Giang
109. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đắk Đoa - Gia Lai
110. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ô Môn - Cần Thơ
111. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tây Sơn - Bình Định
112. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bắc Ninh
113. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kiến An - Hải Phòng
114. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lai Châu
115. Chi nhánh số 02 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Răng - TP Cần Thơ
116. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lộc Ninh - Bình Phước
117. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đoan Hùng - Phú Thọ
118. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dầu Tiếng - Bình Dương
119. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hải Dương
120. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Móng Cái - Quảng Ninh
121. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kỳ Anh - Hà Tĩnh
122. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Long - Hậu Giang
123. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư M'gar - Đắk Lắk
124. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiểu Cần - Trà Vinh
125. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mai Sơn - Sơn La
126. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Quốc - Kiên Giang
127. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Nước - Cà Mau
128. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Biên - Tây Ninh
129. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mộ Đức - Quảng Ngãi
130. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ninh Hòa - Khánh Hòa
131. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư Kuin - Đắk Lắk
132. Chi Nhánh Số 3 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thốt Nốt - TP. Cần Thơ
133. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Khánh - Ninh Bình
134. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hải Hậu - Nam Định
135. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dương Kinh - Hải Phòng
136. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chí Linh - Hải Dương
137. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Hồ - Vĩnh Long
138. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Động - Hưng Yên
139. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hồng Dân - Bạc Liêu
140. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Lợi - Bạc Liêu
141. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Miện - Hải Dương
142. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lục Ngạn - Bắc Giang
143. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Định - Thanh Hóa
144. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thái Hòa - Nghệ An
145. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Nhơn - Bình Định
146. Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòn Đất - Kiên Giang

147. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hưng Nguyên - Nghệ An
148. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thọ Xuân - Thanh Hóa
149. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hoàng Mai - Nghệ An
150. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bát Xát - Lào Cai
151. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nông Cống - Thanh Hóa
152. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Triệu Sơn Thanh Hóa
153. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bù Đốp - Bình Phước
154. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cẩm Thủy - Thanh Hóa
155. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Mỹ - Hậu Giang
156. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Điện Biên
157. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Ana - Đắk Lắk
158. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tịnh Biên - An Giang
159. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đô Lương - Nghệ An
160. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đông Triều - Quảng Ninh
161. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Khánh - Ninh Bình
162. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Triệu Phong - Quảng Trị
163. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hương Khê - Hà Tĩnh
164. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gò Dầu - Tây Ninh
165. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tĩnh Gia - Thanh Hóa
166. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Thành - Nghệ An
167. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dương Minh Châu - Tây Ninh
168. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Kỳ - Nghệ An
169. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thới Bình - Cà Mau
170. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Lục - Hà Nam
171. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ba Đồn - Quảng Bình
172. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bố Trạch - Quảng Bình
173. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại ChưPrông - Gia Lai
174. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tứ Kỳ - Hải Dương
175. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Thọ - Hà Tĩnh
176. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nam Trực - Nam Định
177. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hưng Hà - Thái Bình
178. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phổ Yên - Thái Nguyên
179. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Việt Yên Bắc Giang
180. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiên Lãng - Hải Phòng
181. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Bảo - Hải Phòng
182. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Từ Sơn - Bắc Ninh
183. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại M'Đrắk - Đắk Lắk
184. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lạc Sơn - Hòa Bình
185. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh
186. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cầu Ngang - Trà Vinh
187. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Phú - Bình Dương
188. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ngã Năm - Sóc Trăng

189. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Lạc - Hòa Bình
190. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Giao Thủy - Nam Định
191. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tánh Linh - Bình Thuận
192. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hiệp Hòa - Bắc Giang
193. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Tại Quỳnh Phụ Thái Bình
194. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đầm Dơi - Cà Mau
195. Chi Nhánh Số 02 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Xã Phú Thọ
196. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cẩm Phả - Quảng Ninh
197. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kinh Môn - Hải Dương
198. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Dũng - Bắc Giang
199. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thoại Sơn - An Giang
200. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tam Điệp - Ninh Bình
201. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quế Võ - Bắc Ninh
202. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Bôi - Hòa Bình
203. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nam Cấm - Nghệ An
204. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Chương - Nghệ An
205. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sông Mã - Sơn La
206. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuần Giáo - Điện Biên
207. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Linh Quảng Trị
208. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hoài Nhơn - Bình Định
209. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Sơn - Quảng Ngãi
210. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Nhuận - Quảng Ngãi
211. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Sơn - Ninh Bình
212. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nho Quan - Ninh Bình
213. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sông Cầu - Phú Yên
214. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Phú - Sóc Trăng
215. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cẩm Khê - Phú Thọ
216. CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Bình - Yên Bái
217. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Lạc - Vĩnh Phúc
218. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Phổ - Quảng Ngãi
219. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hàm Yên - Tuyên Quang
220. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Hào - Hưng Yên
221. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Mỹ - An Giang
222. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cần Đước - Long An
223. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành - Long An
224. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quy Nhơn - Bình Định
225. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòa Bình - Bà Rịa - Vũng Tàu
226. Chi Nhánh Số 2 - Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cà Mau
227. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thới Lai - Cần Thơ
228. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Sơn - Phú Thọ
229. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gia Bình - Bắc Ninh
230. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Tuyên Quang

231. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gò Quao - Kiên Giang
232. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành - Tây Ninh
233. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòa Bình - Bạc Liêu
234. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Huệ - Long An
235. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk
236. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Xã Nghĩa Lộ - Yên Bái
237. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Búk - Đắk Lắk
238. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hoài Ân - Bình Định
239. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Đôn - Đắk Lắk
240. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hoằng Hóa - Thanh Hóa
241. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nghi Lộc - Nghệ An
242. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quỳ Hợp - Nghệ An
243. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lạng Giang - Bắc Giang
244. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Yên - Quảng Ninh
245. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Xương - Thanh Hóa
246. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Tân - Bình Thuận
247. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Than Uyên - Lai Châu
248. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Can Lộc - Hà Tĩnh
249. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vạn Ninh - Khánh Hòa
250. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sông Hinh - Phú Yên
251. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Nga Sơn - Thanh Hóa
252. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đại Từ - Thái Nguyên
253. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành - Sóc Trăng
254. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Bến Cầu - Tây Ninh
255. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại U Minh Thượng - Kiên Giang
256. Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Tiên Lữ - Hưng Yên
257. Chi Nhánh số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Hào - Hưng Yên
258. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thiệu Hóa - Thanh Hóa
259. Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Hà - Quảng Ngãi
260. Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Tập đoàn Hoa Sen Tại An Thạnh – Bình Dương
261. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Lý Nhân - Hà Nam
262. Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phong Điền - Thừa Thiên Huế
263. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Dương Đông - Kiên Giang
264. Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Lạc Thủy - Hòa Bình
265. Chi nhánh số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Thới Bình - Cà Mau
266. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Phước Long - Bạc Liêu
267. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Vị Thủy - Hậu Giang
268. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Phúc Yên - Vĩnh Phúc
269. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Nghĩa Hành - Quảng Ngãi
270. Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Ngọc Lặc - Thanh Hóa
271. Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Tân Sơn - Phú Thọ
272. Chi Nhánh Số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Bắc Giang

273. Chi Nhánh Số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Đoan Hùng - Phú Thọ
274. Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Đông Sơn - Thanh Hóa
275. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh
276. Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Văn Yên - Yên Bái
277. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành - An Giang
278. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Lập - Phú Thọ
279. Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đông Hà - Quảng Trị
280. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Long Thành - Đồng Nai
281. CN Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành A - Hậu Giang
282. Chi nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quy Nhơn - Bình Định
283. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vụ Bản - Nam Định
284. Chi nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy Phước - Bình Định
285. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hắc Dịch - Bà Rịa - Vũng Tàu
286. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tương Dương - Nghệ An
287. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ân Thi - Hưng Yên
288. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Văn Chấn - Yên Bái
289. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Nô - Đắk Nông
290. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Gia Viễn - Ninh Bình
291. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tịnh An - Quảng Ngãi
292. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Bình - Thái Nguyên
293. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Bông - ĐắkLắk
294. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Cam Ranh - Khánh Hòa
295. Chi nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bảo Yên - Lào Cai
296. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gia Nghĩa - Đắk Nông
297. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ba Vì - Hà Nội
298. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Tiên - Kiên Giang
299. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mai Sơn - Sơn La
300. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vũng Tàu
301. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại La Gi - Bình Thuận
302. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tịnh Biên - An Giang
303. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bá Thước - Thanh Hóa
304. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Thủy - Hòa Bình
305. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thạch Thành - Thanh Hóa
306. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hương Sơn - Hà Tĩnh
307. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lục Nam - Bắc Giang
308. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Lão - Hải Phòng
309. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kiến Thụy - Hải Phòng
310. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bảo Thành - Nghệ An
311. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bảo Thắng - Lào Cai
312. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tam Đường - Lai Châu
313. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thuận Châu - Sơn La
314. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chiêm Hóa - Tuyên Quang

315. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Dương - Tuyên Quang
316. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Điền - Thừa Thiên Huế
317. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Bảng - Hà Nam
318. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thịnh Đức - Thái Nguyên
319. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Xương - Thanh Hóa
320. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nghĩa Hưng - Nam Định
321. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lương Sơn - Hòa Bình
322. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phù Yên - Sơn La
323. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thái Thụy - Thái Bình
324. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cát Lem - Phú Thọ
325. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea Đrăng - Đắk Lắk
326. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lập Thạch - Vĩnh Phúc
327. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vị Xuyên - Hà Giang
328. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đông Hòa - Phú Yên
329. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tịnh Hà - Quảng Ngãi
330. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Phong - Bắc Ninh
331. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diên Khánh - Khánh Hòa
332. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk
333. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư Kuin - Đắk Lắk
334. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vân Canh - Bình Định
335. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Lào Cai
336. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sầm Sơn - Thanh Hóa
337. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nha Trang - Khánh Hòa
338. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Pắk - Đắk Lắk
339. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ninh Hòa - Khánh Hòa
340. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vạn Ninh - Khánh Hòa
341. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kiến Xương - Thái Bình
342. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quỳ Châu - Nghệ An
343. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chư Păh - Gia Lai
344. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cam Lộ - Quảng Trị
345. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiền Hải - Thái Bình
346. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Chánh
347. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea Knốp - Đắk Lắk
348. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lắk - Đắk Lắk
349. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phù Cát - Bình Định
350. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Lão - Bình Định
351. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Minh - Tây Ninh
352. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cao Phong - Hòa Bình
353. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiên Yên - Quảng Ninh
354. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thủy Nguyên - Hải Phòng
355. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gio Linh - Quảng Trị
356. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Thành - Phú Yên

357. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Suối Tân - Khánh Hòa
358. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Ca - Khánh Hòa
359. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thọ Xuân Thanh Hóa
360. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hậu Lộc - Thanh Hóa
361. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trấn Yên - Yên Bái
362. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mê Linh - Hà Nội
363. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tây Sơn - Bình Định
364. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Dương - Bình Định
365. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức An - Đắk Nông
366. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quy Đạt - Quảng Bình
367. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Ninh - Quảng Bình
368. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ba Tơ - Quảng Ngãi
369. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuyên Hóa - Quảng Bình
370. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòa Thắng - Đắk Lắk
371. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Đức - Hà Nội
372. Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư M'gar - Đắk Lắk
373. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quốc Oai - Hà Nội
374. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Tây - Hà Nội
375. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đồng Hới - Quảng Bình
376. Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lệ Thủy - Quảng Bình
377. Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Sơn - Quãng Ngãi
378. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Suối Đá - Tây Ninh
379. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lệ Thủy - Quảng Bình
380. Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đồng Hới - Quảng Bình
381. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Điền - Tây Ninh
382. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Thạnh - Bình Định
383. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cao Lộc - Lạng Sơn
384. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Khe Sanh - Quảng Trị
385. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đông Hưng - Thái Bình
386. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sông Lô - Vĩnh Phúc
387. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nam Đàn - Nghệ An
388. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Anh Sơn - Nghệ An
389. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Thành - Hải Dương
390. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kỳ Tiến - Hà Tĩnh
391. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Lộc - Thanh Hóa
392. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Trạch - Thanh Hóa
393. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hữu Lũng - Lạng Sơn
394. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Hà Giang
395. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Lộc - Nam Định
396. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trấn Cồn - Nam Định
397. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mường La - Sơn La
398. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Sơn - Tuyên Quang

399. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Tuyên Quang
400. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Trấn Rịa - Ninh Bình
401. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Mô - Ninh Bình
402. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ninh Sơn - Tây Ninh
403. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thạch Hà - Hà Tĩnh
404. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diêm Điền - Thái Bình
405. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chợ Cá - Chương Mỹ
406. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hạ Hòa - Phú Thọ
407. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Ba - Phú Thọ
408. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phù Ninh - Phú Thọ
409. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phong Thổ - Lai Châu
410. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sóc Sơn - Hà Nội
411. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại La Ngà - Quãng Ngãi
412. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nghĩa Kỳ - Quãng Ngãi
413. Chi Nhánh Số 3 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diên Khánh - Ninh Hòa
414. Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Biên Hoà - Đồng Nai
415. Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bình Xuyên - Vĩnh Phúc
416. Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Thạch Thất - Hà Nội
417. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Tây Ninh
418. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Thanh Hóa
419. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bình Định
420. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Phú Yên
421. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Đắk Nông
422. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Nam Định
423. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Long An
424. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hải Dương
425. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bình Phước
426. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Quảng Ngãi
427. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Gia Lai
428. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
429. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Lai Châu
430. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Thừa Thiên Huế
431. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Khánh Hòa
432. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bình Thuận
433. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội
434. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Nghệ An
435. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Vĩnh Phúc
436. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Kon Tum
437. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Lạng Sơn
438. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh
439. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Đồng Nai
440. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Thành Phố Hải Phòng

441. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Điện Biên
442. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Sóc Trăng
443. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Quảng Trị
444. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh An Giang
445. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bình Dương
446. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Đắk Lắk
447. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hậu Giang
448. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Trà Vinh
449. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bạc Liêu
450. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Cà Mau
451. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hà Giang
452. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bắc Ninh
453. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Phú Thọ
454. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chi Lăng - Lạng Sơn
455. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hòa Bình
456. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hà Nam
457. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bắc Sơn - Lạng Sơn
458. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Thái Bình
459. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Tuyên Quang
460. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Vĩnh Long
461. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Ninh Bình
462. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Kiên Giang
463. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hưng Yên
464. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Lào Cai
465. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Quảng Ninh
466. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Yên Bái
467. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Thái Nguyên
468. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hà Tĩnh
469. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Quảng Bình
470. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Cần Thơ

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong số kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống kế toán Việt Nam

2- Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Sổ sách kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành bởi Bộ Tài Chính như sau :

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 1
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 2
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 3
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 4
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 5
- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp
- Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ sách kế toán: chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
- Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các báo cáo tài chính. Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được thể hiện theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì thể hiện theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

  Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng.

  Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

  (a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

  (b) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;

  (c) Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;

(d) Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành

Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định vô hình phải thỏa mãn đồng thời

- Định nghĩa về tài sản cố định vô hình và;
- Bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận của tài sản cố định hữu hình

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình và thuê tài chính)

Khấu hao tài sản cố định được tính trừ vào nguyên gía theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản, tỉ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Thời gian khấu hao bình quân ước tính theo nhóm tài sản như sau:

• Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 40 năm
• Máy móc thiết bị	06 - 12 năm
• Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
• Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
• TSCĐ hữu hình khác	03 - 05 năm
• Quyền sử dụng đất	07 - 48 năm
• Phần mềm kế toán, quản lý	3 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước về thuê nhà xưởng, nhà kho văn phòng cho một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe....) và các loại lệ phí mua và trả một lần trong năm; công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công thời cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước theo phương pháp đường thẳng

5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ chưa phát sinh

6- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá qui định được ghi nhận vào khoản mục doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

7- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau :
(a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
(b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập khác được thể hiện trong báo cáo tài chính bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu
- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Các khoản thu khác

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí lãi vay phát sinh có liên quan đến các khoản vay dùng để đầu tư hoạt động kinh doanh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực "Chi phí đi vay"

Các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá quy định được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

9- Nguyên tắc ghi nhận phải thu thương mại

Khoản phải thu được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải thu thương mại từ khách hàng và các khoản công nợ khác bao gồm cả những khoản công nợ khó đòi.

10- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải trả cho nhà cung cấp và các khoản công nợ phải trả khác

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp như sau:
- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 17,5 % và 8% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm y tế được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 3% và 1,5% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 1% và 1% trừ vào lương cán bộ công nhân viên

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 - Tiền	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Tiền mặt	48.240.229.032	13.538.266.107
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	122.549.694.420	225.389.115.824
- Tiền đang chuyển	726.553.560	848.084.715
- Các khoản tương đương tiền	143.521.875	143.521.875
Cộng	**171.659.998.887**	**239.918.988.521**

2 - Các khoản đầu tư tài chính:	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
- Ngắn hạn	**270.387.032**	**-**
+ Tiền gửi có kỳ hạn	270.387.032	
- Dài hạn	**61.600.000.000**	**46.600.000.000**
+ Trái phiếu	61.600.000.000	46.600.000.000
Cộng	**61.870.387.032**	**46.600.000.000**

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Đầu tư vào công ty con		
- Cty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	280.000.000.000	280.000.000.000
- Cty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cty TNHH MTV Vận Tải Và Cơ Khí Hoa Sen	16.276.000.000	16.276.000.000
- Cty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	105.000.000.000	55.000.000.000
- Cty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	1.100.000.000.000	450.000.000.000
- Cty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	420.000.000.000	200.000.000.000
- Cty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cty Cổ Phần Hoa Sen Vân Hội	-	2.800.000.000
- Cty Cổ Phần Hoa Sen Yên Bái	84.000.000.000	84.000.000.000
- Cty TNHH MTV Hoa Sen Phú Mỹ	250.000.000.000	100.000.000.000
- Cty TNHH MTV Đầu Tư Khu Liên Hợp Luyện Cán Thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	4.000.000.000	3.000.000.000
- Cty TNHH MTV Cảng Tổng Hợp Quốc Tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	3.500.000.000	2.500.000.000
- Cty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Hoa Sen Dụ Long	-	24.700.000.000
Cộng	**2.677.776.000.000**	**1.633.276.000.000**

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Cuối kỳ 30/09/2018			Đầu kỳ 01/10/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
+ Cty CP Hoa Sen Quy Nhơn	27.900.000.000	-	27.900.000.000	27.900.000.000	-	27.900.000.000
+ Cty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Hoa Sen Du Long	15.615.000.000		15.615.000.000			
+ CTy CP tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	-		-	51.952.178.134	(35.933.075.667)	16.019.102.467
+ Cty CP Hoa Sen Hội Vân	-	-	-	450.000.000	-	450.000.000
Cộng	**43.515.000.000**	**-**	**43.515.000.000**	**80.302.178.134**	**(35.933.075.667)**	**44.369.102.467**

3 - Phải thu khách hàng & Trả trước cho người bán

3.1 - Phải thu khách hàng ngắn hạn	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Các bên khác	1.502.487.974.858	1.083.122.220.681
- Các bên liên quan	5.660.685.579.825	2.892.316.502.137
Cộng	**7.163.173.554.683**	**3.975.438.722.818**

3.2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Các bên khác	39.432.055.972	165.980.867.636
- Các bên liên quan	144.725.955.368	38.705.908.131
Cộng	**184.158.011.340**	**204.686.775.767**

4 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	354.398.335.518	547.165.072.432
- Tạm ứng	27.619.762.719	26.741.318.349
- Phải thu các bên liên quan	98.241.822.870	91.843.056.842
- Đặt cọc	207.807.151.150	139.797.458.454
- Các khoản phải thu khác:	25.464.085.524	31.502.007.046
Cộng	**713.531.157.781**	**837.048.913.123**

5- Phải thu về cho vay

a) Ngắn hạn	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Các bên khác	-	25.400.000.000
- Các bên liên quan	3.660.295.900	-
Cộng	**3.660.295.900**	**25.400.000.000**

b) Dài hạn	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Các bên liên quan	66.686.721.457	74.974.967.200
Cộng	**66.686.721.457**	**74.974.967.200**

6 - Hàng tồn kho	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Hàng mua đang đi trên đường	47.688.056.628	2.529.588.787.627
- Nguyên liệu, vật liệu	296.984.566.402	843.767.940.021
- Công cụ, dụng cụ	215.430.530.762	224.760.876.405
- Thành phẩm	734.791.417.492	1.175.209.610.528
- Hàng hóa	511.588.605.550	677.488.468.657
Cộng giá gốc	**1.806.483.176.834**	**5.450.815.683.238**
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.636.349.355)	(22.786.661.832)
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ:

* Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

7 - Tài sản dở dang dài hạn

	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm tài sản cố định	26.225.803.020	241.007.879.131
Xây dựng cơ bản dở dang	1.932.316.670	1.783.610.120
Sửa chữa lớn tài sản cố định	149.220.000	4.874.878.475
Cộng	**28.307.339.690**	**247.666.367.726**

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ	649.108.058.078	3.485.804.694.207	379.532.131.416	32.608.589.505	19.317.249.271	4.566.370.722.477
* Mua trong kỳ	3.683.232.440	113.645.394.068	7.948.267.301	32.831.260.036	242.708.351	158.350.862.196
* Đầu tư XDCB hoàn thành	2.853.827.117	271.216.467.210	-	1.480.273.636	-	275.550.567.963
* Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	13.254.770.658	-	-	-	13.254.770.658
* Chuyển sang BĐS đầu tư						-
* Thanh lý, nhượng bán	9.120.500.906	94.018.810.273	79.871.974.429	19.593.973.032	-	202.605.258.640
* Điều chuyển TSCĐ cho Cty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	150.642.102.617	1.399.347.330.074	-	-	-	1.549.989.432.691
Số dư cuối kỳ	495.882.514.112	2.390.555.185.796	307.608.424.288	47.326.150.145	19.559.957.622	3.260.932.231.963
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	255.098.098.606	1.701.234.349.196	120.128.393.742	10.500.357.797	16.212.524.332	2.103.173.723.673
* Khấu hao trong kỳ	29.261.121.404	227.947.206.401	39.113.243.836	6.924.854.353	1.991.195.848	305.237.621.842
* Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	4.693.380.547	-	-	-	4.693.380.547
* Thanh lý, nhượng bán	6.286.422.372	34.783.753.769	30.592.546.208	1.315.019.110	-	72.977.741.459
* Điều chuyển TSCĐ cho Cty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	39.869.153.070	631.021.304.541	-	-	-	670.890.457.611
Số dư cuối kỳ	238.203.644.568	1.268.069.877.834	128.649.091.370	16.110.193.040	18.203.720.180	1.669.236.526.992
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
* Tại ngày đầu kỳ	394.009.959.472	1.784.570.345.011	259.403.737.674	22.108.231.708	3.104.724.939	2.463.196.998.804
* Tại ngày cuối kỳ	257.678.869.544	1.122.485.307.962	178.959.332.918	31.215.957.105	1.356.237.442	1.591.695.704.971

** Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:*
** Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:*
** Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý:*
** Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai*
** Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình*

9 - Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ thuê tài chính khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC					
Số dư đầu kỳ	30.886.346.877	8.133.090.908	-		39.019.437.785
- Thuê tài chính trong kỳ	14.635.857.235	39.910.860.176	18.636.363.636		73.183.081.047
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	13.254.770.658	-	-		13.254.770.658
Số dư cuối kỳ	32.267.433.454	48.043.951.084	18.636.363.636		98.947.748.174
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu kỳ	11.717.212.453	2.447.003.952	-		14.164.216.405
- Khấu hao trong kỳ	4.489.751.537	3.514.602.391	209.339.975		8.213.693.903
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	4.693.380.547	-	-		4.693.380.547
Số dư cuối kỳ	11.513.583.443	5.961.606.343	209.339.975		17.684.529.761
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC					-
- Tại ngày đầu kỳ	19.169.134.424	5.686.086.956	-		24.855.221.380
- Tại ngày cuối kỳ	20.753.850.011	42.082.344.741	18.427.023.661		81.263.218.413

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm;
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm;
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản.

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	280.481.532.265			1.344.757.711		281.826.289.976
* Tăng trong kỳ	718.364.000			44.778.337.834		45.496.701.834
* Thanh lý, nhượng bán	7.256.236.500			-		7.256.236.500
* Giảm khác	-			-		-
Số dư cuối kỳ	273.943.659.765	-	-	46.123.095.545	-	320.066.755.310
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	21.888.977.750			1.344.757.711		23.233.735.461
* Khấu hao trong kỳ	2.560.821.111			6.197.428.202		8.758.249.313
- Thanh lý, nhượng bán	647.492.758			-		647.492.758
- Giảm khác	-			-		-
Số dư cuối kỳ	23.802.306.103	-	-	7.542.185.913		31.344.492.016
Giá trị còn lại của TSCĐVH						-
* Tại ngày đầu kỳ	258.592.554.515	-	-	-	-	258.592.554.515
* Tại ngày cuối kỳ	250.141.353.662	-	-	38.580.909.632	-	288.722.263.294

** Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:*
** Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:*
** Thuyết minh số liệu và giải trình khác*

11 - Chi phí trả trước	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
a) Ngắn hạn		
- Chi phí quảng cáo	26.163.164.737	26.925.691.491
- Chi phí thuê nhà xưởng, MMTB	24.328.894.035	19.734.754.783
- Chi phí công cụ, dụng cụ	9.308.630.023	11.418.276.450
- Chi phí tư vấn	2.765.970.828	5.022.641.070
- Chi phí bảo hiểm	1.679.401.673	1.650.845.702
- Chi phí sửa chữa	2.577.195.640	2.626.399.145
- Khác	8.926.380.217	7.044.166.651
Cộng	**75.749.637.153**	**74.422.775.292**
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	57.397.992.492	67.552.199.499
- Chi phí sửa chữa	23.626.356.355	20.638.965.085
- Chi phí thuê nhà xưởng	67.919.903.057	89.433.311.060
- Chi phí làm bảng hiệu	47.956.945.821	25.377.730.855
- Khác	10.451.227.673	13.695.451.965
Cộng	**207.352.425.398**	**216.697.658.464**

12 - Vay và nợ thuê tài chính	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**9.010.977.033.379**	**7.402.317.620.460**
Vay từ bên liên quan	***53.000.000.000***	-
Công Ty Cổ Phần Hoa Sen Quy Nhơn	53.000.000.000	-
Vay từ ngân hàng	***8.748.119.898.344***	***7.204.366.078.759***
Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn VN, CN Sài Gòn	-	46.000.000.000
Ngân Hàng Sinopac, CN TP HCM	135.900.000.000	-
Ngân Hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - CN TP.HCM	125.000.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương VN - CN Sài Gòn	-	356.192.812.511
Ngân Hàng TMCP Quốc Tế VN - CN TP HCM	-	267.096.812.128
Ngân Hàng TMCP Công Thương VN, CN KCN Bình Dương	3.297.313.508.002	3.029.074.608.923
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển VN, CN Sở Giao Dịch 2	1.506.882.107.382	-
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải VN, CN TP.HCM	-	169.580.254.417
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN, CN Nam Bình Dương	1.658.248.743.031	906.358.857.526
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN, CN TP. HCM	475.537.223.222	338.787.032.800
Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP.HCM	148.320.106.584	183.738.960.831
Ngân Hàng TMCP Phương Đông	-	101.116.342.236
Ngân Hàng TMCP Quân Đội, CN Bình Dương	-	279.412.006.174
Ngân Hàng TMCP VN Thịnh Vượng	-	231.551.797.178

12 - Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
Vay từ ngân hàng (tiếp theo)		
Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN - CN Bình Dương	105.972.454.533	-
Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Hsbc (VN)	1.035.502.713.540	560.998.382.668
Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (VN) - CN TP HCM	17.000.000.000	195.000.000.000
Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên United Overseas Bank (Việt Nam)	134.418.629.258	-
Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Anz (VN)	108.024.412.792	411.180.558.828
Ngân Hàng United Overseas Bank VN - CN TP HCM	-	128.277.652.539
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả	***174.491.250.325***	***193.321.275.085***
CN Ngân Hàng Phát Triển Khu Vực Bình Dương - Bình Phước	-	12.967.201.065
Ngân Hàng TMCP Bản Việt	9.101.429.500	19.390.190.000
Ngân Hàng TMCP Á Châu, CN Tân Thuận	6.084.004.000	6.084.004.000
Ngân Hàng TMCP Công Thương VN, CN KCN Bình Dương	135.924.771.861	142.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN, CN Nam Bình Dương	20.000.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Quân Đội, CN Bình Dương	3.381.044.964	12.879.880.020
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả	***35.365.884.710***	***4.630.266.616***
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	5.535.000.000	-
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế VN	6.439.776.635	-
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN TP HCM	17.848.311.739	4.409.665.692
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Á Châu	5.542.796.336	220.600.924
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**71.352.839.728**	**237.114.284.830**
Vay từ ngân hàng	***55.596.689.280***	***234.156.032.907***
Ngân Hàng TMCP Bản Việt	189.800.000	9.291.229.500
Ngân Hàng TMCP Á Châu, CN Tân Thuận	3.312.574.000	9.566.578.000
Ngân Hàng TMCP Công Thương VN, CN KCN Bình Dương	-	135.924.771.861
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN, CN Nam Bình Dương	52.094.315.280	75.909.193.591
Ngân Hàng TMCP Quân Đội, CN Bình Dương	-	3.464.259.955

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Nợ dài hạn thuê tài chính	***15.756.150.448***	***2.958.251.923***
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	10.608.750.000	-
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế VN	-	-
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN TP HCM	3.722.514.954	2.958.251.923
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Á Châu	1.424.885.494	-
Tổng cộng (vay và nợ)	**9.082.329.873.107**	**7.639.431.905.290**

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau

	Giá trị
Vào ngày 01 tháng 10 năm 2017	**7.639.431.905.290**
Tiền thu từ đi vay	27.036.232.249.782
Tiền chi trả nợ gốc vay	25.622.600.226.615
Tiền trả thuê tài chính	14.177.118.427
Chênh lệch tỷ giá	43.443.063.077
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2018	**9.082.329.873.107**

Lịch thanh toán thuê tài chính

	Kỳ này			Kỳ trước		
	Tổng khoản t.toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản t.toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm	38.305.086.693	2.939.201.979	35.365.884.714	5.059.482.950	429.216.334	4.630.266.616
Từ 1-5 năm	16.708.824.485	952.674.041	15.756.150.444	3.050.680.643	92.428.720	2.958.251.923
Cộng	55.013.911.178	3.891.876.020	51.122.035.158	8.110.163.593	521.645.054	7.588.518.539

13 - Phải trả người bán & người mua trả tiền trước

13.1 - Phải trả người bán ngắn hạn	**Cuối kỳ 30/09/2018**	**Đầu kỳ 01/10/2017**
- Các bên khác	657.278.418.992	3.033.932.051.951
- Các bên liên quan	591.137.308.479	381.237.934.811
Cộng	**1.248.415.727.471**	**3.415.169.986.762**

13.2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	**Cuối kỳ 30/09/2018**	**Đầu kỳ 01/10/2017**
- Các bên khác	105.456.193.525	133.208.633.634
- Các bên liên quan	93.609.040.908	224.715.547.311
Cộng	**199.065.234.433**	**357.924.180.945**

14 - Thuế

14.1 - Phải trả

	Đầu kỳ 01/10/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối kỳ 30/09/2018
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	97.801.623.622	1.637.005.134.763	1.707.938.788.571	26.867.969.814
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	6.768.125.918	99.442.141.970	85.673.528.688	20.536.739.200
- Thuế xuất, nhập khẩu	941.888.393	31.185.621.787	31.699.370.882	428.139.298
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.767.280.907	58.013.907.258	97.781.188.165	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1.614.292.843	37.087.632.102	37.097.955.659	1.603.969.286
- Các loại thuế khác	61.407.708	1.612.067.307	1.672.900.887	574.128
Cộng	**146.954.619.391**	**1.864.346.505.187**	**1.961.863.732.852**	**49.437.391.726**

14.2 - Phải thu

	Đầu kỳ 01/10/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ 30/09/2018
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.308.779.396.886	922.947.013.065	1.167.906.511.827	1.063.819.898.124
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	25.316.560.908	-	25.316.560.908
- Thuế thu nhập cá nhân	-	29.582.244		29.582.244
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra nộp thừa		359.458		359.458
Cộng	**1.308.779.396.886**	**948.293.515.675**	**1.167.906.511.827**	**1.089.166.400.734**

15 - Chi phí phải trả

	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Chi phí lương tháng 13	15.916.235.000	36.886.740.000
- Chi phí điện	9.412.829.611	9.628.754.210
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	733.191.060	5.322.145.980
- Chi phí lãi vay	12.021.671.246	10.761.599.776
- Chi phí khác	123.200.000	226.700.000
Cộng	**38.207.126.917**	**62.825.939.966**

16 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Phải trả cổ tức	4.494.873.425	4.598.464.925
- BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	6.272.088.850	777.656.800
- Phải trả cho các bên liên quan	2.767.185.492	25.716.800.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.371.520.000	22.592.689.206
- Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	25.996.753.725	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.773.486.778	6.553.735.327
Cộng	**54.675.908.270**	**60.239.346.258**

17 - Dự phòng phải trả

	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Dự phòng tái cấu trúc	-	-
- Dự phòng phải trả khác	2.841.850.750	2.791.155.000
Cộng	**2.841.850.750**	**2.791.155.000**

18 - Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Lợi nhuận chưa thực hiện	582.741.890	2.302.446.294
- Chi phí trích trước	7.668.570.628	14.347.792.714
- Các khoản dự phòng	5.113.908.184	13.610.183.079
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	573.819.665	1.135.161.780
- Khác	1.053.512.369	1.581.148.394
Cộng	**14.992.552.736**	**32.976.732.261**

19 - Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước (01/10/2016)	1.965.398.290.000	551.571.933.521		6.784.575.670	1.753.131.906.267	4.276.886.705.458
- Lợi nhuận tăng trong năm trước					1.353.771.696.634	1.353.771.696.634
- Chi trả cổ tức bằng tiền					196.539.829.000	196.539.829.000
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi					60.167.737.724	60.167.737.724
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn CSH				80.063.704.939	80.063.704.939	-
- Tăng từ phát hành cổ phiếu có chọn lựa cho người lao động	34.601.710.000					34.601.710.000
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	1.099.978.080.000				1.099.978.080.000	-
- Tăng từ thặng dư vốn cổ phần	399.988.750.000	399.988.750.000				
- Phí lưu ký chứng khoán						-
- Bán cổ phiếu quỹ						-
- Sử dụng quỹ khác thuộc vốn CSH				52.312.539.414		52.312.539.414
- Trích thưởng hoàn thành KHSX					51.300.000.000	51.300.000.000
Số dư cuối năm trước (30/09/2017)	**3.499.966.830.000**	**151.583.183.521**	**-**	**34.535.741.195**	**1.618.854.251.238**	**5.304.940.005.954**
Số dư đầu kỳ này (01/10/2017)	**3.499.966.830.000**	**151.583.183.521**	**-**	**34.535.741.195**	**1.618.854.251.238**	**5.304.940.005.954**
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này					561.965.995.394	561.965.995.394
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				47.549.876.048	47.549.876.048	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi					53.266.556.487	53.266.556.487
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	349.936.450.000				349.936.450.000	-
- Chi trả cổ tức bằng tiền					349.957.383.000	349.957.383.000
- Mua cổ phiếu quỹ			(1.343.000.000)			(1.343.000.000)
- Sử dụng quỹ khác thuộc vốn CSH				21.575.866.687		21.575.866.687
- Trích thưởng hoàn thành KHSX						-
Số dư cuối kỳ này (30/09/2018)	**3.849.903.280.000**	**151.583.183.521**	**(1.343.000.000)**	**60.509.750.556**	**1.380.109.981.097**	**5.440.763.195.174**

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
- Vốn đầu tư của Nhà nước						
- Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	3.849.903.280.000	3.849.903.280.000		3.499.966.830.000	3.499.966.830.000	
- Thặng dư vốn cổ phần	151.583.183.521	151.583.183.521		151.583.183.521	151.583.183.521	
Cộng	4.001.486.463.521	4.001.486.463.521	-	3.651.550.013.521	3.651.550.013.521	

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	3.499.966.830.000	1.965.398.290.000
+ Vốn góp tăng trong năm	349.936.450.000	1.534.568.540.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	3.849.903.280.000	3.499.966.830.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	699.893.833.000	196.539.829.000

20- Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ	921.491,02	5.061.947,34
- Đồng Euro	228,92	228,92
- Đồng đô la Úc	0,54	687,54

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
21 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**13.085.149.349.847**	**13.053.423.485.664**
- Doanh thu bán thành phẩm	4.677.374.670.649	4.207.242.786.771
- Doanh thu bán hàng hóa	8.403.356.993.620	8.797.425.034.977
- Doanh thu khác	4.417.685.578	48.755.663.916
22- Các khoản giảm trừ doanh thu	**(10.173.703.809)**	**50.572.067.755**
- Chiết khấu thương mại	(15.466.693.130)	47.247.501.158
- Giảm giá hàng bán	1.373.770.721	949.928.576
- Hàng bán bị trả lại	3.919.218.600	2.374.638.021
23 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**13.095.323.053.656**	**13.002.851.417.909**

24 - Giá vốn hàng bán

	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
- Giá vốn thành phẩm đã bán	4.389.221.870.426	3.810.642.406.724
- Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã bán	8.131.545.622.659	8.448.632.417.086
Cộng	**12.520.767.493.085**	**12.259.274.823.810**

25 - Doanh thu tài chính

	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	73.591.706	143.982.120
- Lãi từ hoạt động đầu tư	103.662.947.673	967.499.264
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	354.398.335.518	546.743.296.138
- Lãi chênh lệch tỷ giá	30.848.563.806	3.804.035.232
Cộng	**488.983.438.703**	**551.658.812.754**

26 - Chi phí tài chính

	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
- Lãi vay	133.576.001.257	89.366.324.801
- Chênh lệch tỷ giá	106.972.425.067	16.395.028.493
- Chi phí tài chính khác	225.155.867	-
- DP giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	2.245.817.230
Cộng	**240.773.582.191**	**108.007.170.524**

27 - Thu nhập khác

	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	5.219.537.651	817.847.687
- Các khoản khác	18.270.063.827	3.735.114.605
Cộng	**23.489.601.478**	**4.552.962.292**

28 - Chi phí khác

	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	-
- Các khoản khác	20.820.337	1.937.329.846
Cộng	**20.820.337**	**1.937.329.846**

29 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý

	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
a) Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	72.556.122.234	88.607.041.052
Chi phí vật liệu bao bì	1.181.829.211	4.058.801.078
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.089.643.423	150.167.256.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.899.333.371	44.695.460.969
Chi phí bằng tiền khác	76.378.234.374	79.461.140.828
Cộng	**372.105.162.613**	**366.989.700.140**

29 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý (tiếp theo)	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
b) Chi phí quản lý		
Chi phí nhân viên quản lý	76.688.389.585	91.266.807.254
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.366.540.727	3.883.600.914
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.425.136.340	8.833.703.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.692.086.389	5.949.358.831
Chi phí bằng tiền khác	60.660.691.862	79.398.220.343
Cộng	**159.832.844.903**	**189.331.691.292**
30 - Chi phí thuế TNDN	**(14.491.737.209)**	**41.943.394.294**
31 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**6.420.815.292**	**(5.453.969.870)**

VI - Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty con, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong quý IV niên độ 2017 - 2018, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
Bán hàng	2.807.337.234.701	3.409.491.343.120
Mua hàng	3.354.094.481.953	3.965.194.604.133
Hàng bán bị trả lại	268.323.510	-
Trả lại hàng mua	1.378.888.455	-

Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
Bán hàng	998.646.139.597	918.405.654.846
Mua hàng	684.490.325.896	797.332.412.853
Trả lại hàng mua, hàng mua được giảm giá	130.196.542	-
Hàng bán bị trả lại	968.120.400	-

Công ty TNHH MTV Vận Tải và Cơ Khí Hoa Sen	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
Cho thuê tài sản	1.989.000.000	2.562.000.000
Nhận dịch vụ	9.604.325.091	13.246.753.031

Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
Bán hàng	4.596.562.838	5.859.026.920
Mua hàng	283.157.907.220	217.859.126.819

Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	**Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)**	**Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)**
Bán hàng	1.855.630.060.888	2.200.344.705.094
Bán tài sản cố định	-	34.365.608
Mua hàng	1.407.661.140.208	1.579.638.250.268
Trả lại hàng mua, hàng mua được giảm giá	3.108.978.007	-

Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	**Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)**	**Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)**
Bán hàng	41.840.155.781	359.714.484.122
Hàng bán bị trả lại	154.174.786	-
Mua hàng	257.759.084.010	126.669.003.200
Trả lại hàng mua, hàng mua được giảm giá	1.804.591.517	-

Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	**Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)**	**Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)**
Bán hàng	17.401.980.912	284.443.787
Cho thuê tài sản	66.500.000	-
Hàng bán bị trả lại	86.112.315	-
Lãi cho vay	-	250.981.672
Mua hàng	349.133.990.119	137.286.964.266

Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Phú Mỹ	**Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)**	**Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)**
Bán hàng	64.844.774.442	2.271.876.888
Thu lãi cho vay	-	164.900.884
Mua hàng	31.932.740.683	-

Công Ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen Yên Bái	**Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)**	**Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)**
Bán hàng	1.058.621	2.164.431.937
Bán tài sản cố định	657.083.010	-
Mua hàng	92.025.267.924	-

Công Ty Cổ Phần Hoa Sen Yên Bái	**Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)**	**Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)**
Thu lãi cho vay	1.464.367.863	551.616.708

Công Ty Cổ Phần Hoa Sen Quy Nhơn	**Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)**	**Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)**
Lãi vay	1.256.027.397	

Công Ty cổ phần Đầu tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	**Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)**	**Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)**
Thu lãi cho vay	59.352.336	

Công Ty CP tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	**Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)**	**Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)**
Thu hồi khoản vốn góp	55.624.444.583	-

a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ này (từ 01-07-2018 đến 30-09-2018)	Kỳ trước (từ 01-07-2017 đến 30-09-2017)
Công Ty Cổ Phần Hoa Sen Vân Hội		
Thu hồi khoản vốn góp	450.100.000	
Công Ty Cổ Phần Hoa Sen Hội Vân		
Thu hồi khoản vốn góp	313.200.000	-
Công Ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen		
Bán hàng	756.140.771.332	626.292.449.261
Cho thuê tài sản	466.680.000	-
Bán khác	-	51.116.353
Bán tài sản cố định	9.084.000.000	-
Chiết khấu thương mại	-	24.297.271.961
Hàng bán bị trả lại	1.681.669.210	41.021.543
Mua hàng	286.218.155.941	1.022.722.541.623
Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An		
Nhận dịch vụ vận chuyển	63.057.564	-
Các khoản chi các nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	585.000.000	495.000.000
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	3.795.857.994	3.277.900.850

b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

i) Phải thu khách hàng	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
Cty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	2.274.374.701.634	1.372.719.862.467
Cty TNHH MTV VLXD Hoa Sen	570.934.978.238	423.765.967.282
Cty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	1.200.868.459.695	666.455.845.353
Cty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	1.307.539.434.530	416.327.068.751
Cty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	15.062.949.385	-
Cty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	291.904.280.843	10.215.237.917
Cty TNHH Một Thành Viên VLXD Hoa Sen Yên Bái	-	2.380.875.132
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	775.500	451.645.235
Cộng	**5.660.685.579.825**	**2.892.316.502.137**

ii) Trả trước cho người bán	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
Cty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội Bình Định	141.210.746.400	-
Cty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	3.089.692.968	38.705.908.131
CTy TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	425.516.000	-
Cộng	**144.725.955.368**	**38.705.908.131**

b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)

iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	3.660.295.900	-
Cộng	**3.660.295.900**	**-**

iv) Phải thu về cho vay dài hạn

	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Phú Mỹ	-	29.311.140.265
Công Ty Cổ Phần Hoa Sen Yên Bái	66.686.721.457	45.663.826.935
Cộng	**66.686.721.457**	**74.974.967.200**

v) Các khoản phải thu khác

	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
Ông Hoàng Đức Huy (Ứng trước tiền mua đất)	90.183.227.000	90.183.227.000
Cty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	33.726.999.473	76.653.509.042
Cty TNHH MTV VLXD Hoa Sen	143.513.088.867	205.519.465.050
Cty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	5.614.267.378	5.895.764.638
Cty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	12.571.198.614	34.967.674.962
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	158.972.781.186	224.128.658.740
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	6.654.971.231	551.616.708
Cty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Khu Liên Hợp Luyện Cán Thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	923.312.250	923.312.250
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	118.970.000	-
Cty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	-	164.900.884
Cty TNHH MTV Năng Lượng Tái Tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	13.000.000	10.000.000
Cty TNHH Một Thành Viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	13.000.000	10.000.000
Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	335.342.389	-
Cộng	**452.640.158.388**	**639.008.129.274**

vi) Phải trả người bán

	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
Cty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	-	2.000.000.000
Cty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	15.599.670.164	14.226.066.980
Cty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	336.200.056.889	200.641.334.445
Cty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	61.292.574.787	56.166.912.937
Cty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	137.214.608.808	53.560.995.083
Cty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	36.513.309.235	-
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	4.264.268.660	54.215.530.025
Cty TNHH MTV Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An	52.819.936	427.095.341
Cộng	**591.137.308.479**	**381.237.934.811**

b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)

vii) Người mua trả tiền trước	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	85.962.064.553	78.751.807.428
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	7.646.976.355	145.963.739.883
Cộng	**93.609.040.908**	**224.715.547.311**

viii) Phải trả khác ngắn hạn	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	319.600.000	-
Cy TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	191.558.095	16.800.000
Cty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng KCN Hoa Sen Du Long	-	24.700.000.000
Công ty Cổ Phần Hoa Sen Quy Nhơn	1.256.027.397	-
DNTN KD Bất Động Sản Hương Sen	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	**2.767.185.492**	**25.716.800.000**

ix) Vay ngắn hạn	Cuối kỳ 30/09/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
Công ty Cổ Phần Hoa Sen Quy Nhơn	53.000.000.000	-
Cộng	**53.000.000.000**	-

VII- Những thông tin khác

1- Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

2- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin năm trước): Một số dữ liệu tương ứng của BCTC riêng năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017 đã được phân loại lại cho phù hợp. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	97.586.233.122	107.100.542.645	204.686.775.767
Phải trả người bán ngắn hạn	3.308.069.444.117	107.100.542.645	3.415.169.986.762

3- Những thông tin khác: Không có

Ngày 30 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nguyễn Thị Ngọc Lan	TRẦN QUỐC TRÍ